

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS-PT

Ngày 22/7/2021

Vv Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thọ.

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Quyết; bà Phạm Thị Minh Hiền.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/DS – PT ngày 05/4/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS- ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐ -PT ngày 28/4/2021, Quyết định, thông báo hoãn thời gian mở phiên tòa số 39/TB- TA ngày 17/5/2021, thông báo tiếp tục mở phiên tòa số 53/TB- TA ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

***- Các đồng nguyên đơn:***

1. Anh Lục Văn T, sinh năm 1984 (có mặt);
2. Bà Lục Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt). Bà Lục Thị L ủy quyền cho anh Lục Văn T, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền ngày 17/7/2020).
3. Ông Lục Văn D, sinh năm 1970 (vắng mặt);
4. Anh Lục Văn M, sinh năm 1973 (vắng mặt);
5. Anh Lục Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt);
6. Anh Lục Văn TN, sinh năm 1979 (vắng mặt);

(Ông Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN đều ủy quyền cho anh Lục Văn T, sinh năm 1984 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2020).

Đều trú tại: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Lục Thị HA, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Trú tại: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

(Chị Lục Thị HA ủy quyền cho anh Lục Văn T sinh năm 1984 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2020).

8. Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1946 (vắng mặt);

(Bà Nguyễn Thị TH ủy quyền cho anh Lục Văn T sinh năm 1984 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020).

Trú tại: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

*Bị đơn:* Ông Trần Trung T (tên thường gọi: Tư A), sinh năm 1957 (có mặt).

Trú tại: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

*- Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lưu Thị K, sinh năm 1968 (vắng mặt);

2. Chị Tư Thị LA, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3. Chị Diệp Thị NA, sinh năm 1990 (vắng mặt);

4. Chị Diệp Thị C, sinh năm 1979 (vắng mặt);

5. Chị Đặng Thị A, sinh năm 1979 (vắng mặt);

(Chị Lưu Thị K, chị Tư Thị LA, chị Diệp Thị NA, chị Diệp Thị C, chị Đặng Thị A đều ủy quyền cho anh Lục Văn T 1984 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 7 năm 2020).

Đều trú tại: Thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

6. Bà Chu Thị B, sinh năm 1958 (vắng mặt);

7. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1990 (vắng mặt);

(Bà Chu Thị B, anh Trần Văn Q đều ủy quyền cho ông Trần Trung T, sinh năm 1957 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020).

Đều trú tại: Thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

8. Chị Trương Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

9. Anh Trần Văn TI, sinh năm 1986 (vắng mặt);

10. Chị Chuyền Thị X, sinh năm 1993 (vắng mặt);

11. Anh Trần Văn PH, sinh năm 1988 (vắng mặt);

12. Chị Diệp Thị LI, sinh năm 1995 (vắng mặt);

13. Anh Trần Thị CH, sinh năm 1980 (vắng mặt);

14. Chị Trần Thị Nm, sinh năm 1983 (vắng mặt);
15. Anh Trần Văn TE, sinh năm 1975 (có mặt);  
(Chị Trương Thị H, anh Trần Văn TI, chị Chuyên Thị X, anh Trần Văn PH, chị Diệp Thị LI, chị Trần Thị CH, chị Trần Thị Nm đều ủy quyền cho anh Trần Văn TE đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020);  
Đều trú tại: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.
16. Chị Trần Thị Ln, sinh năm 1977 (vắng mặt);  
(Chị Trần Thị Ln ủy quyền cho chồng là anh Trương Văn Mư đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 03/9/2020, anh Trương Văn Mư có mặt);  
Trú tại: Ng M, B S, L N, Bắc Giang;
17. Chị Trần Thị TA, sinh năm 1993 (vắng mặt);  
Trú tại: Thôn T, xã T H, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.
18. Ủy ban nhân dân huyện L N do ông Mai Văn D là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2020 (vắng mặt);
19. Hạt kiểm lâm huyện L N do ông Nguyễn Ngọc H đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2020.
20. Ủy ban nhân dân xã T M do ông Phạm Văn L, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T M đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2020.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án các đồng nguyên đơn anh Lục Văn T, bà Nguyễn Thị TH, chị Lục Thị L, anh Lục Văn D, Lục Văn M, Lục Văn H, Lục Văn TN, Lục Thị HA do anh Lục Văn T đại diện trình bày:*

Gia đình ông Lục Văn H được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích đất lâm nghiệp là 6,5ha, tại lô số: 404 thuộc khu vực rừng thôn Chín Lạc, xã T M, huyện L N đứng tên ông Lục Văn H, theo Quyết định cấp đất số: 352 ngày 11/12/1997, lô 404 ông Lục Văn H được giao có ranh giới liền kề với diện tích đất lâm nghiệp giao cho hộ gia đình ông Trần Trung T, trong quá trình sử dụng ông Trần Trung T sử dụng lấn sang diện tích đất của gia đình ông Lục Văn H. Gia đình anh Lục Văn T sang nói chuyện nhưng ông Trần Trung T không trả lại diện tích đất này mà còn trồng keo trên toàn bộ diện tích đất lấn chiếm. Năm 2015 ông Lục Văn H chết, gia đình anh chị tiếp tục yêu cầu ông Trần Trung T trả lại đất nhưng ông Trần Trung T không trả.

Đến năm 2019, anh Lục Văn T, bà Nguyễn Thị TH, chị Lục Thị L, anh Lục Văn D, Lục Văn M, Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA là thừa kế thứ

nhất của ông Lục Văn H đã gửi đơn ra Ủy ban nhân dân xã T M nhưng Ủy ban nhân dân xã hòa giải không thành.

Anh Lục Văn T, bà Nguyễn Thị TH, chị Lục Thị L, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N giải quyết buộc ông Trần Trung T phải trả lại diện tích đất mà ông Trần Trung T đã lấn chiếm ông Lục Văn H là 2,5ha. Sau khi thẩm định, đo đạc thì diện tích thực tế tranh chấp giữa anh Lục Văn T, bà Nguyễn Thị TH, chị Lục Thị L, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA và ông Trần Trung T là 26.127,7m<sup>2</sup>. Anh Lục Văn T, bà Nguyễn Thị TH, chị Lục Thị L, anh Lục Văn D, Lục Văn M, Lục Văn H, Lục Văn TN, chị Lục Thị HA do anh Lục Văn T là đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa án buộc ông Trần Trung T phải trả diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 26.127,7m<sup>2</sup>.

Đối với những cây keo hộ ông Trần Trung T trồng trên đất, đã đến độ tuổi thu hoạch, các anh chị chấp nhận để gia đình ông Trần Trung T di dời, thu hoạch, trả lại đất cho gia đình anh canh tác, sử dụng.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn ông Trần Trung T trình bày:*

Vào năm 1997 ông được Nhà nước giao đất rừng lâm nghiệp là 6,25ha, tại lô số 403, theo Quyết định cấp đất số: 352/ngày 11/12/1997 tại khu rừng Chín Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, phần đất gia đình ông được giao có phần giáp với đất nhà ông Lục Văn H (bố đẻ anh Lục Văn T), khi giao đất có đại diện thôn, xã và Hạt kiểm lâm huyện L N, vợ ông là bà Chu Thị B là người trực tiếp đi nhận đất, khi giao chỉ rõ ranh giới sau đó về vẽ sơ đồ. Khi giao đất xong bố anh T là ông Lục Văn H tự đi phát ranh giới đã chỉ dẫn. Gia đình ông trồng lúa, khoai, sắn trên đó. Sau đó gia đình ông trồng keo, đến năm 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ thị Văn phòng đất đai về đo lại toàn bộ diện tích đất rừng của xã để đổi sổ mới, phổ biến hộ nào tranh chấp thì không đo. Văn phòng đo đất đã đo xong, đại diện thôn thông báo cho các hộ lên nhận diện tích đã được đo đạc, ông lên ký nhận diện tích đo đạc, đang đợi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Lục Văn T thấy diện tích đất nhà ông rộng hơn, nên đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết nên hiện nay ông chưa được chuyển sang sổ đỏ.

Tại thời điểm cấp đất và sau thời điểm cấp đất gia đình ông có đủ những thành viên gồm có: Tôi (Trần Trung T), vợ Chu Thị B, con trai Trần Văn TE và vợ Trương Thị H, con trai Trần Văn TI lấy vợ Chuyền Thị X, con trai Trần Văn PH lấy vợ Diệp Thị LI và các con gái Trần Thị Ln, Trần Thị CH, Trần Thị Nm,

Trần Thị TA đã cùng ông khai phá, trồng khoai, sắn trên diện tích đất này. Tại thời điểm hiện nay các con ông đã trưởng thành, lập gia đình trong hộ khẩu của gia đình ông chỉ còn ông, vợ ông Chu Thị B và con trai Trần Văn Q.

Nay anh Lục Văn T, bà Nguyễn Thị TH, chị Lục Thị L, anh Lục Văn D, Lục Văn M, Lục Văn H, Lục Văn TN, chị Lục Thị HA khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích đất theo như kết quả đo đạc là 26.127,7m<sup>2</sup> đất ông không nhất trí, vì phần này của ông cũng đã được Nhà nước giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho gia đình ông và ông là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ bìa xanh).

*Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*1. Chị Lưu Thị K trình bày:*

Chị là con dâu ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH, bố chồng chị ông Lục Văn H mất năm 2015. Chị kết hôn với anh Lục Văn D vào năm 1987, sau khi kết hôn chị về gia đình anh D chung sống, đến năm 1989 vợ chồng chị tách khẩu ra ở riêng. Việc Nhà nước giao đất, giao rừng cho bố mẹ chồng chị là ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH thế nào thì chị không biết chị chỉ biết bố mẹ chồng có diện tích đất rừng hiện nay trồng keo ở khu vực rừng Chin Lạc, thôn T M, xã T M, chị không liên quan đến diện tích đất này.

Nay chồng chị Lục Văn D cùng các anh chị em là con đẻ của ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH khởi kiện đối với ông Trần Trung T đòi lại diện tích đất rừng lấn chiếm. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Do công việc của chị rất bận, không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án, chị ủy quyền cho em chồng chị là Lục Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh Lục Văn T có toàn quyền thay chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

*2. Chị Tư Thị LA trình bày:*

Chị là con dâu ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH, bố chồng chị ông Lục Văn H mất năm 2015. Chị kết hôn với anh Lục Văn M vào năm 1991, sau khi kết hôn với anh M chị về gia đình anh M chung sống, đến năm 1994 thì chị và anh M tách khẩu ra ở riêng. Việc Nhà nước giao đất, giao rừng cho bố mẹ chồng chị là ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH thế nào thì chị không biết vì lúc đó vợ chồng chị ra ở riêng, chị không liên quan đến diện tích đất này.

Nay chồng chị cùng các anh chị em là con đẻ của ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH khởi kiện yêu cầu ông Trần Trung T đòi lại diện tích đất rừng mà ông Trần Trung T sử dụng sang. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của

pháp luật để giải quyết. Do công việc của chị bận, không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án, chị ủy quyền cho em chồng chị là Lục Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh Lục Văn T có toàn quyền thay chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

### *3. Chị Diệp Thị C trình bày:*

Chị là con dâu ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH, bố chồng chị ông Lục Văn H mất năm 2015. Chị kết hôn với anh Lục Văn H vào năm 1994, sau khi kết hôn với anh Hư chị về gia đình anh Hư chung sống, đến năm 1997 thì chị và anh Hư tách khẩu ra ở riêng. Việc Nhà nước giao đất, giao rừng cho bố mẹ chồng chị là ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH thế nào thì chị không biết vì lúc đó vợ chồng chị ra ở riêng, chị không liên quan đến diện tích đất này.

Nay chồng chị cùng các anh chị em là con đẻ của ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH khởi kiện đối với ông Trần Trung T đòi lại diện tích đất rừng mà ông Trần Trung T sử dụng sang. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Do công việc của chị rất bận, không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án, chị ủy quyền cho em chồng là anh Lục Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh Lục Văn T có toàn quyền thay chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

### *4. Chị Đặng Thị A trình bày:*

Chị là con dâu ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH, bố chồng chị ông Lục Văn H mất năm 2015. Chị kết hôn với anh Lục Văn TN vào năm 2000, sau khi kết hôn với anh To chị về gia đình anh To chung sống, đến năm 2002 thì chị và anh To tách khẩu ra ở riêng.

Việc Nhà nước giao đất, giao rừng cho bố mẹ chồng chị là ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH thế nào thì chị không biết vì lúc chị kết hôn với anh Toàn thì Nhà nước đã giao đất, giao rừng xong, chị chỉ biết bố mẹ chồng chị có diện tích đất rừng hiện nay trồng keo ở khu vực rừng Chin Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, chị không liên quan đến diện tích đất này.

Nay chồng chị cùng các anh chị em là con đẻ của ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH khởi kiện đối với ông Trần Trung T đòi lại diện tích đất rừng ông Trần Trung T sử dụng sang. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Do công việc của chị rất bận, không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án, chị ủy quyền cho em chồng là Lục Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh Lục Văn T có toàn quyền thay chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

##### *5. Chị Diệp Thị NA trình bày:*

Chị là con dâu ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH. Chị kết hôn với anh Lục Văn T vào năm 2007, sau khi kết hôn chị về gia đình anh T chung sống, hiện nay vợ chồng chị ở cùng với mẹ chồng là bà Nguyễn Thị TH, các anh chị chồng chị đều ra ở riêng, có gia đình ổn định, không còn chung hộ khẩu với gia đình chị, bố chồng chị ông Lục Văn H mất năm 2015.

Việc Nhà nước giao đất, giao rừng cho bố mẹ chồng là ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH thế nào thì chị không biết vì thời điểm chị kết hôn với anh T Nhà nước đã giao đất, giao rừng xong, chị chỉ biết bố mẹ chồng chị có diện tích đất rừng hiện nay trồng keo ở khu vực rừng Chin Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, kể từ lúc lấy chồng đến nay thì chị và chồng Lục Văn T vẫn canh tác trên diện tích đất này, hiện nay đang trồng keo, theo chị được biết thì gia đình ông Trần Trung T có sử dụng sang diện tích đất của gia đình chị theo kết quả thẩm định đo đạc thực tế là 26.127,7m<sup>2</sup>.

Nay chồng chị cùng các anh chị em là con đẻ của ông Lục Văn H và bà Nguyễn Thị TH khởi kiện đối với ông Trần Trung T đòi lại diện tích đất rừng ông Trần Trung T đã sử dụng sang diện tích đất của gia đình chị. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Do công việc của chị rất bận, không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án, chị ủy quyền cho chồng chị là anh Lục Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh Lục Văn T có toàn quyền thay chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

##### *6. Chị Trương Thị H trình bày:*

Chị là vợ anh Trần Văn TE là con dâu ông Trần Trung T, chị kết hôn với anh Trần Văn TE vào tháng 1/1993 (âm lịch). Đến tháng 8/1993 thì chị và anh Tiến tách khẩu ra ở riêng từ đó đến nay. Nay anh Lục Văn T và các anh chị ruột anh Lục Văn T khởi kiện đòi bố chồng chị là ông Trần Trung T phải trả lại diện tích đất mà gia đình anh T cho rằng gia đình chị đã sử dụng sang, chị không nhất trí vì diện tích đất này của gia đình chị được cấp sổ xanh, khi ra ở riêng thì vợ chồng chị vẫn canh tác trên diện tích đất này. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố, mẹ chồng chị. Chị ủy quyền toàn bộ cho chồng chị anh Trần Văn TE tham gia giải quyết vụ án.

##### *7. Anh Trần Văn TE trình bày:*

Anh là con đẻ ông Trần Trung T. Anh xây dựng gia đình và kết hôn với chị Trương Thị H vào tháng 1 năm 1993 (âm lịch). Sau khi kết hôn xong thì chị Hà

về gia đình anh làm dâu và chung sống, đến khoảng tháng 8 năm 1993 thì vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng từ đó đến nay.

Nay các con ông Lục Văn H khởi kiện đòi bố anh là ông Trần Trung T phải trả 26.127,7m<sup>2</sup> đất rừng, anh không nhất trí. Vì nguồn gốc diện tích đất này gia đình anh khai hoang từ năm 1992, đến năm 1995 gia đình anh được Nhà nước giao diện tích đất này cho bố anh, anh và mẹ anh là người trực tiếp đi nhận đất, khi giao đất có đại diện thôn, Hạt Kiểm Lâm huyện, đại diện ủy ban nhân dân xã T M nhưng hiện nay anh không nhớ ai. Khi anh ra ở riêng, anh và vợ anh đến canh tác và trồng cây lương thực ngăn ngày, đến năm 1997 thì được Nhà nước cấp sổ xanh diện tích đất 6,25ha, hiện nay gia đình anh vẫn còn sổ bìa xanh. Diện tích đất này hiện nay bố mẹ anh và em anh Trần Văn Q trồng keo và bạch đàn.

Nay vợ ông Lục Văn H bà Nguyễn Thị TH cùng các con ông Lục Văn H khởi kiện bố anh ông Trần Trung T đòi diện tích đất 26.127,7m<sup>2</sup>. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ anh.

#### *8. Chị Trần Thị TA trình bày:*

Chị là con đẻ ông Trần Trung T, chị kết hôn với anh Vũ Văn L ở thôn T, T H, L N vào năm 2017. Chị đã nhập khẩu và sinh sống ổn định với gia đình chồng tại thôn T, T H. Nay vợ và các con ông Lục Văn H khởi kiện đòi bố chị là ông Trần Trung T phải trả lại diện tích đất rừng 26.127,7m<sup>2</sup>, chị không nhất trí vì diện tích đất này của gia đình chị được cấp sổ bìa xanh, phần tranh chấp nằm trong sổ bìa xanh của gia đình chị, khi chị chưa lấy chồng thì chị và gia đình vẫn canh tác trên diện tích đất này. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố chị ông Trần Trung T.

#### *9. Anh Trần Văn TI trình bày:*

Anh là con đẻ ông Trần Trung T. Anh xây dựng gia đình và kết hôn với chị Chuyền Thị X vào năm 2011. Sau khi kết hôn xong thì chị M về gia đình anh làm dâu và chung sống, đến năm 2012 thì vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng từ đó đến nay. Vợ và các con ông Lục Văn H khởi kiện đòi bố anh là ông Trần Trung T phải trả diện tích đất rừng lấn chiếm tại khu rừng Chin Lạc, thuộc Thôn T M, xã T M anh không nhất trí. Khi anh ở chung anh vẫn canh tác và sử dụng trên diện tích đất này. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố anh và những người đang ở chung với bố anh được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Do công việc bận anh ủy quyền toàn bộ cho anh Trần Văn TE tham gia giải quyết vụ án.

*10. Chị Chuyên Thị X trình bày:*

Chị là con dâu ông Trần Trung T, chị kết hôn với anh Trần Văn TI vào năm 2011 và vợ chồng chị tách khẩu ra ở riêng từ đó đến nay. Đối với diện tích đất tranh chấp do bố mẹ chồng chị nhận, hiện nay do bố mẹ chồng và em chồng chị đang sử dụng. Nay anh Lục Văn T và các anh chị em anh Lục Văn T khởi kiện đòi bố chồng chị diện tích đất rừng lần chiếm tại khu rừng Chín Lạc thuộc thôn T M, xã T M, chị không nhất trí. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ chồng và em chồng chị là Trần Văn PH. Do công việc bận chị ủy quyền toàn bộ cho anh Trần Văn TE tham gia giải quyết vụ án.

*11. Anh Trần Văn PH trình bày:*

Anh là con đẻ ông Trần Trung T. Anh xây dựng gia đình và kết hôn với chị Diệp Thị LI vào năm 2014. Sau khi kết hôn xong thì chị LI về gia đình anh làm dâu và chung sống, ngay trong năm 2014 thì vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng từ đó đến nay.

Nay các con ông Lục Văn H khởi kiện đòi bố anh là ông Trần Trung T phải trả 2,5ha đất rừng tại khu rừng Chín Lạc thuộc thôn T M, xã T M, anh không nhất trí. Trong thời gian anh ở chung thì anh và bố mẹ anh vẫn canh tác và sử dụng diện tích đất này, không có ai tranh chấp. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố anh và những người đang ở chung với bố anh được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Do công việc bận anh ủy quyền toàn bộ cho anh Trần Văn TE tham gia giải quyết vụ án.

*12. Chị Diệp Thị LI trình bày:*

Chị là con dâu ông Trần Trung T, chị kết hôn với anh Trần Văn PH vào năm 2014, vợ chồng chị tách khẩu ra ở riêng. Đối với diện tích đất tranh chấp với nhà anh T do bố mẹ chồng chị nhận, trong thời gian sống chung với bố mẹ chồng chị vẫn cùng gia đình canh tác trên diện tích đất này, hiện nay do bố mẹ chồng và em chồng chị Trần Văn Q đang sử dụng. Nay anh Lục Văn T và các anh chị em anh Lục Văn T khởi kiện đòi bố chồng chồng chị trả diện tích đất rừng tại khu rừng Chín Lạc thuộc thôn T M, xã T M, chị không nhất trí. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ chồng và em chồng chị là Trần Văn Q. Do công việc bận chị ủy quyền toàn bộ cho anh Trần Văn TE tham gia giải quyết vụ án.

*13. Anh Trần Văn Q trình bày:*

Anh là con đẻ ông Trần Trung T. Anh vẫn ở chung và có hộ khẩu với bố mẹ anh. Mẹ anh Lục Văn T và các anh chị em ruột anh Lục Văn T khởi kiện đòi bố anh là ông Trần Trung T phải trả diện tích đất rừng tại khu rừng Chín Lạc thuộc thôn T M, xã T M, anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho anh và bố mẹ anh được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Do công việc bận anh ủy quyền cho bố đẻ anh là ông Trần Trung T tham gia giải quyết vụ án.

*14. Bà Chu Thị B trình bày:*

Gia đình bà và anh Lục Văn T có quan hệ hàng xóm, họ hàng. Vào khoảng năm 1995 – 1997 gia đình bà được Nhà nước giao đất rừng lâm nghiệp tại khu rừng Chín Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, phần đất gia đình bà được giao có phần giáp với nhà ông Lục Văn H (bố đẻ anh T), diện tích đất bà được giao 6,25ha, khi giao đất có đại diện thôn, xã và Hạt kiểm lâm huyện L N, bà là người trực tiếp đi nhận đất, khi giao chỉ chỉ ranh giới sau đó về vẽ sơ đồ. Sau khi được giao gia đình bà trồng lúa, khoai, sắn trên đó hiện nay trồng keo và bạch đàn. Đến năm 2019 gia đình anh Lục Văn T khởi kiện đòi gia đình bà trả lại diện tích đất lấn chiếm là 2.5ha, bà không nhất trí vì diện tích đất này là của gia đình bà, được Ủy ban nhân dân huyện L N cấp sổ xanh, hiện nay đang đợi cấp sổ đỏ. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho gia đình bà. Do công việc bận, sức khỏe bà không được tốt, bà ủy quyền cho chồng ông Trần Trung T thay bà tham gia giải quyết vụ án.

*15. Chị Trần Thị Nm trình bày.*

Chị là con đẻ ông Trần Trung T. Chị lập gia đình với anh Diệp Văn Chung và tách khẩu về chung sống với gia đình chồng. Anh Lục Văn T và các anh chị em ruột của anh T khởi kiện đòi bố chị ông Trần Trung T phải trả 2,5ha đất rừng tại khu rừng Chín Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, chị không nhất trí. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ chị và em chị Trần Văn Q được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Do công việc bận chị ủy quyền cho anh Trần Văn TE tham gia giải quyết vụ án.

*16. Chị Trần Thị CH trình bày:*

Chị là con đẻ ông Trần Trung T. Chị lập gia đình với anh Nguyễn Đình V và tách khẩu về chung sống với gia đình chồng ở B G, B S, L N. Anh Lục Văn T và các anh chị em ruột của anh T khởi kiện đòi bố chị ông Trần Trung T phải trả 2,5ha đất rừng tại khu rừng Chín Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, chị không nhất trí. Vì nguồn gốc diện tích đất này gia đình chị khai hoang, được Nhà nước giao và

cấp sổ bìa xanh. Khi chị chưa lập gia đình thì chị và bố mẹ chị vẫn canh tác và sử dụng diện tích đất này. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ chị và em chị Trần Văn Q được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Do công việc bận chị ủy quyền cho anh Trần Văn TE thay chị tham gia giải quyết vụ án.

17. *Chị Trần Thị Ln do anh Trương Văn Mư là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Anh là con rể ông Trần Trung T, vợ anh là chị Trần Thị Ln, chị Trần Thị Ln ủy quyền cho anh thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh không nhất trí với việc khởi kiện của các anh chị em anh Lục Văn T vì phần diện tích đất tranh chấp nằm trong sơ đồ, sổ xanh bố mẹ vợ anh được giao từ năm 1997, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng sơ đồ được giao từ năm 1997.

18. *Hạt Kiểm lâm huyện L N trình bày:*

Việc giao đất, giao rừng cho ông Lục Văn H và ông Trần Trung T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban ngành địa phương.

Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Lục Văn H (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,5 ha = 65.000m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 404, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Ông Trần Trung T (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25 ha = 62.500m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Sau khi xem xét thẩm định đối chiếu với sơ đồ giao đất giao rừng thì thấy:

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì: Diện tích ông Lục Văn H sử dụng thực tế: 42.669,8m<sup>2</sup>. Thiếu 22.330,2m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích ông Trần Trung T sử dụng thực tế bao gồm cả phần đất tranh chấp là: 105769,3m<sup>2</sup>. Tăng 43,269,3m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì: Diện tích tranh chấp giữa các con ông Hùng (Lục Văn T, Nguyễn Thị TH, Lục Thị L, Lục Văn D, Lục Văn M, Lục Văn H, Lục Văn TN, Lục Thị HA) và ông Trần Trung T là: 26.127,7m<sup>2</sup>.

- Không có việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Lục Văn H và nhà ông Trần Trung T.

- Việc sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao.

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì: Phần đất tranh chấp 26.127m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ xanh) cấp cho ông Lục Văn H.

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

19. Ủy ban nhân dân huyện L N do ông Mai Văn D là đại diện theo ủy quyền trình bày: Sau khi kiểm tra hồ sơ giao đất, giao rừng cho ông Lục Văn H và ông Trần Trung T do Hạt kiểm lâm huyện L N đang lưu giữ phía Ủy ban nhân dân huyện L N có ý kiến như sau: Việc giao đất, giao rừng cho ông Lục Văn H và ông Trần Trung T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Ông Lục Văn H (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,5ha = 65.000m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 404, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang. Ông Trần Trung T (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25ha = 62.500m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ xác định hiện trạng sử dụng đất:

- Diện tích hộ ông Lục Văn H sử dụng thực tế: 42.669,8m<sup>2</sup>. Thiếu 22.330,2m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích hộ ông Trần Trung T sử dụng thực tế: 105769,3m<sup>2</sup>. Tăng 43,269,3m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích tranh chấp giữa các con ông Hùng (Lục Văn T, Nguyễn Thị TH, Lục Thị L, Lục Văn D, Lục Văn M, Lục Văn H, Lục Văn TN, Lục Thị HA) và ông Trần Trung T là: 26.127m<sup>2</sup>.

- Không có việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Lục Văn H và nhà ông Trần Trung T.

- Việc sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao.

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

20.Ủy ban nhân dân xã T M do ông Phạm Văn L là đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc giao đất, giao rừng cho ông Lục Văn H và ông Trần Trung T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban ngành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Lục Văn H (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,5ha = 65.000m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 404, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Ông Trần Trung T (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25ha = 62.500m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Không có việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Lục Văn H và nhà ông Trần Trung T, việc giao đúng diện tích, ranh giới. Việc tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng sang đất của nhau.

Theo số liệu của Văn phòng đo đất: Tổng diện tích ông Lục Văn H sử dụng thực tế: 42.669,8m<sup>2</sup>. Thiếu 22.330,2m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích đất ông Trần Trung T sử dụng thực tế là: 105.769,3m<sup>2</sup>. Tăng 43.269,3m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích tranh chấp giữa các con ông Hùng và ông Trần Văn Tư là: 26.127m<sup>2</sup>.

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

*\* Tại biên bản ghi lời khai, những lời khai tiếp theo tại Tòa án những người làm chứng trình bày:*

1. Ông Chu Văn Gi trình bày:

Ông giữ chức vụ chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T M trong giai đoạn từ năm 1994 -2004, trong giai đoạn 1997 -1998, ông có nằm trong ban giao đất rừng của xã T M, khi giao đất trên địa bàn thôn T M, xã T M tổ giao đất gồm có: Ông, ông Vũ Công Th cán bộ lâm nghiệp xã, ông Trần H – nguyên trưởng thôn và ông Lê Quang C – đại diện Hạt kiểm lâm huyện. Tổ giao đất cử cán bộ trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, ông H và ông Trần Trung T là công dân xã T M

cũng có đại diện gia đình đến nhận đất, nhận chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các hộ. Các hộ có tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng không đúng ranh giới. Nay vợ và các con ông Hùng khởi kiện đòi đất ông Trần Trung T. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

2. Ông Vũ Công Th trình bày:

Trong giai đoạn 1997 -1998 ông là cán bộ Lâm nghiệp xã T M, ông nằm trong ban giao đất rừng của xã T M, khi giao đất trên địa bàn thôn T M, xã T M tổ giao đất gồm: Ông, ông Chu Văn Gi - Nguyên chủ tịch xã, ông Trần H - nguyên trưởng thôn và ông Lê Quang C - đại diện Hạt kiểm lâm huyện. Tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, ông H và ông Trần Trung T là công dân xã T M cũng có đại diện gia đình đến nhận đất, nhận chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các hộ. Các hộ có tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng không đúng ranh giới. Nay vợ và các con ông Lục Văn H khởi kiện đòi đất ông Trần Trung T. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

3. Ông Trần H trình bày:

Trong giai đoạn 1982-2000 ông là trưởng thôn T M, xã T M, ông nằm trong ban giao đất rừng của xã T M, khi giao đất trên địa bàn thôn T M, xã T M tổ giao đất gồm: Ông, ông Chu Văn Gi – Nguyên chủ tịch xã, ông Vũ Công T – là cán bộ Lâm nghiệp xã và ông Lê Quang C – đại diện Hạt kiểm lâm huyện. Tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, ông Hùng và ông Trần Trung T là công dân xã T M cũng có đại diện gia đình đến nhận đất, nhận chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các hộ. Các hộ có tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng không đúng ranh giới. Nay vợ và các con ông H khởi kiện đòi đất ông Trần Trung T. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 23/7/2020 xác định như sau:

Ông Lục Văn H (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,5ha = 65.000m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 404, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Ông Trần Trung T (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR

ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25ha = 62.500m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Diện tích đất tranh chấp giữa các con ông Lục Văn H và ông Trần Trung T là 26.127m<sup>2</sup>, trên phần đất tranh chấp có trồng cây keo, tỷ lệ 6m<sup>2</sup>/01 cây = 4.355 cây keo.

Tại biên bản định giá tài sản lập ngày 23/7/2020 xác định giá trị tài sản tranh chấp như sau:

Diện tích đất tranh chấp của ông Trần Trung T đang sử dụng là 26.127,7m<sup>2</sup> x 8.000đồng/m<sup>2</sup> = 209.021.600đồng; Theo tỷ lệ 6m<sup>2</sup>/01 cây keo, trên đất có 4.355 cây keo (đường kính gốc 10 – 13cm) x 154.000đồng/ cây = 670.670.000đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là: 879.691.600đồng (tám trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng).

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 01/2021/DS- ST ngày 15/01/25021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng Các Điều 24, Điều 36, Điều 38, Điều 43 Luật đất đai năm 1993.

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 138, Điều 158; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 261, Điều 264, Điều 265, Điều 579, Điều 580 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp Dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 156, Điều 157; Điều 158; Điều 165, Điều 166; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị L, anh Lục Văn T, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA, bà Nguyễn Thị TH do anh Lục Văn T là đại diện theo ủy quyền.

Buộc hộ ông Trần Trung T phải trả cho bà Lục Thị L, anh Lục Văn T, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA, bà Nguyễn Thị TH do anh Lục Văn T là đại diện theo ủy quyền diện tích đất là 26127,7m<sup>2</sup> đất tại lô 404 thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc

Giang được Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997.

Buộc hộ ông Trần Trung T phải di dời, khai thác, thu hoạch toàn bộ cây cối, tài sản trên diện tích đất 26127,7m<sup>2</sup> (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản.

Ngày 18/01/2021, ông Trần Trung T nộp đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với phán quyết của Tòa án nhân dân huyện L N tại bản án số 01/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử công bằng cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Lục Văn T đại diện cho các nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, ông Trần Trung T không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Trần Trung T ủy quyền cho anh Trần Văn Mừng trình bày thay: Ông Trần Trung T kháng cáo: Không đồng ý trả lại đất, không đồng ý khai thác, di dời tài sản trên đất theo yêu cầu khởi kiện của anh Lục Văn H và các đồng nguyên đơn khác. Lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan về nguồn gốc đất trước khi xảy ra tranh chấp không được Tòa án điều tra làm rõ, việc xem xét thẩm định tại chỗ không khách quan, không đúng ranh giới, ông Trần Trung T không lấn chiếm đất của gia đình anh Lục Văn T. Năm 1997, khi Nhà nước giao đất lâm nghiệp ông Trần Trung T đã cùng với ông Lục Văn H là bố đẻ của anh Lục Văn T nhận đất, việc giao nhận đã được xác định ranh giới giữa 2 thửa đất. Tuy nhiên khi giao đất cơ quan có thẩm quyền không cắm mốc mà dùng phương pháp chỉ tay, các bên nhận đất theo khe nước chảy làm ranh giới. Sau khi được giao nhận các hộ đã canh tác ổn định. Năm 2018, đo đạc lại bản đồ địa chính anh Lục Văn T phát hiện diện tích đất nhỏ hơn so với diện tích đất gia đình ông Lục Văn H được giao nên khởi kiện yêu cầu gia đình ông Trần Trung T phải trả đất là không có căn cứ, ông Trần Trung T không chấp nhận.

*Anh Lục Văn T trình bày:*

Năm 1997 ông Lục Văn H được Nhà nước giao 6,5ha đất lâm nghiệp tại lô 404, khu vực rừng Chín Lạc, xã T M, huyện L N. Sau khi được giao đất gia đình anh chưa canh tác, sử dụng ngay. Đến năm 2018 đo đạc lại bản đồ địa chính gia đình anh phát hiện lô đất 404 gia đình anh được giao bị ông Trần Trung T lấn chiếm. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L N,

diện tích lần chiếm là 26.127,7m<sup>2</sup>, anh yêu cầu ông Trần Trung T phải trả lại diện tích đất trên và khai thác thu hoạch toàn bộ cây trồng, các tài sản trên đất.

*Anh Trần Văn TE trình bày:*

Anh là con của ông Trần Trung T, anh lấy vợ ra ở riêng từ năm 1994. Năm 1997, ông Trần Trung T được giao 6,25ha đất lâm nghiệp tại lô 403 khu rừng Chin Lạc, xã T M có ranh giới với lô 404 giao cho ông Lục Văn H. Việc giao nhận có đại diện thôn và kiểm lâm xác định ranh giới, bản thân anh có được trực tiếp cùng ông Trần Trung T canh tác tại lô 403 theo đúng ranh giới đã được nhận. Từ năm 1997 đến năm 2018 hai gia đình canh tác không có tranh chấp, anh Lục Văn T khởi kiện là không có căn cứ. Tòa án nhân dân huyện L N xét xử vụ án có vi phạm cụ thể là: Việc xem xét, thẩm định tại chỗ không khách quan. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lục Văn T.

*Anh Trương Văn Mư trình bày:*

Năm 1997 Nhà nước giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, lấy ranh giới là đông hoặc khe nước chảy, không cắm mốc giới trên thực địa mà giao bằng phương pháp chỉ tay thủ công. Sau khi được giao đất các hộ phát băng canh tác, diện tích đất anh Lục Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Trung T trả lại là không có căn cứ vì diện tích đất này nằm trong lô 403 đã giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Trung T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS- ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện L N nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện tham gia tố tụng, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Trung T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Trong giai đoạn từ năm 1995 - 1997 Hạt Kiểm lâm huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình tại xã T M trong đó có hộ ông Lục Văn H được Ủy ban nhân dân huyện L N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,5ha = 65.000m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 404, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Hộ ông Trần Trung T (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25ha = 62.500m<sup>2</sup>. Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Qua quá trình sử dụng, canh tác ông Trần Trung T có sử dụng lấn một phần diện tích đất đã được giao cho ông Lục Văn H. Ngày 11/4/2015 ông Hùng đã chết. Ngày 25/5/2020 bà Nguyễn Thị TH (là vợ ông Lục Văn H) và các con ông Lục Văn H gồm các anh chị: Lục Văn T, chị Lục Thị L, anh Lục Văn M, Lục Văn H, Lục Văn TN, Lục Thị HA, Lục Văn D đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Trần Trung T phải trả lại diện tích đang tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế: 26.127,7m<sup>2</sup> là một phần của lô đất số 404 địa chỉ tại khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã được cấp Giấy chứng nhận đất Lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997 cho hộ gia đình ông Lục Văn T.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào hồ sơ cấp đất cấp cho ông Lục Văn H và ông Trần Trung T, căn cứ vào ý kiến của Hạt kiểm lâm huyện L N là cơ quan trực tiếp giao đất, căn cứ vào lời khai người làm chứng ông Chu Văn Gi, Vũ Công T, Trần H, căn cứ vào lời khai của người có quyền nghĩa vụ liên quan, có đủ căn cứ để xác định: Ông Lục Văn H và ông Trần Trung T đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo đúng trình tự, thủ tục. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lục Văn H và

Trần Trung T được cấp phù hợp với quy định tại các Điều 24, Điều 43 Luật đất đai năm 1993 và Nghị định số 02/1994.

Theo sơ đồ giao đất lâm nghiệp của của Hạt kiểm lâm huyện L N (bút lục số 240,244, 249) và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N gồm các thành phần: Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N, đại diện chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L N, đại diện Hạt kiểm lâm huyện L N. Đại diện ủy ban nhân dân xã T M, đại diện thôn T M, xã T M, huyện L N (bút lục 167,168,169). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Trung T (do anh Trương Văn Mư đại diện) trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ là không có căn cứ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được: Diện tích đất hộ ông Lục Văn H canh tác được cấp liền kề giáp ranh với đất nhà ông Trần Trung T. Hiện trạng sử dụng đất, hộ ông Lục Văn H và hộ ông Trần Trung T sử dụng không đúng ranh giới diện tích được giao, ông Lục Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất = 65.000m<sup>2</sup> nhưng diện tích sử dụng thực tế là: 42.669,8m<sup>2</sup>. Thiếu 22.330,2m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Ông Trần Trung T được cấp = 62.500m<sup>2</sup> nhưng sử dụng thực tế: 105. 769,3m<sup>2</sup>. Tăng 43.269,3m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó dẫn đến việc tranh chấp. Phần đất tranh chấp giữa gia đình anh Lục Văn T và gia đình ông Trần Trung T = 26.127,7m<sup>2</sup>. Hạt kiểm lâm huyện L N và những người làm chứng là ông Chu Văn Gi, Vũ Công T, Trần H xác định rõ việc giao đất cho ông Lục Văn H và ông Trần Trung T chỉ rõ ranh giới, lô khoảnh, diện tích, các bên trực tiếp ra thực địa nhận đất, không có việc chồng chéo giữa các lô đất. Hạt kiểm lâm huyện L N xác định theo như kết quả đo đạc của Văn phòng đo đất huyện L N thì diện tích tranh chấp = 26.127,7m<sup>2</sup> hiện nay ông Trần Trung T sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ xanh) cấp cho ông Lục Văn H. Do ông Hùng đã chết nên các con ông Hùng là Lục Văn T, bà Lục Thị L, anh D, anh M, anh Hư, anh To, chị H, bà T là người hàng thừa kế thứ nhất của ông Lục Văn H khởi kiện đòi ông Trần Trung T phải trả lại diện tích đất ông Trần Trung T sử dụng sang là 26.127,7m<sup>2</sup> là có căn cứ chấp nhận.

Do hiện nay trên phần đất tranh chấp gia đình ông Trần Trung T đã trồng keo và có một số cây cối khác, theo kết quả định giá (tỷ lệ 6m<sup>2</sup>/01 cây keo = 4.355, cây keo (đường kính gốc 10 – 13cm) x 154.000đồng/ cây = 670.670.000đồng đã đến thời kỳ thu hoạch. Bản án sơ thẩm quyết định buộc ông Trần Trung T phải khai thác, di dời, thu hoạch toàn bộ số cây keo và cây cối khác cũng như tài sản khác để trả lại

diện tích đất lần chiếm là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Trần Trung T được hưởng lợi số cây keo do gia đình ông trồng là có căn cứ phù hợp với Điều 257, 260, 261 và 264 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS- ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Trung T là người cao tuổi nên ông được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS- ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Áp Dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Các Điều 24, Điều 36, Điều 38, Điều 43 Luật đất đai năm 1993.

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 101, 138, Điều 158; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 261, Điều 264, Điều 265, Điều 579, Điều 580 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị L, anh Lục Văn T, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA, bà Nguyễn Thị TH do anh Lục Văn T là đại diện theo ủy quyền.

Buộc hộ ông Trần Trung T phải di dời, khai thác, thu hoạch toàn bộ cây trồng, tài sản trên diện tích đất 26.127,7m<sup>2</sup> để trả lại cho bà Lục Thị L, anh Lục Văn T, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA, bà Nguyễn Thị TH do anh Lục Văn T là đại diện theo ủy quyền diện tích đất là 26.127,7m<sup>2</sup> đất tại lô: 404 địa chỉ lô đất tại khu rừng Chín Lạc, thôn T

M, xã T M, L N, Bắc Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997.

Diện tích đất ông hộ ông Trần Trung T phải trả cho bà Lục Thị L, anh Lục Văn T, anh Lục Văn D, anh Lục Văn M, anh Lục Văn H, anh Lục Văn TN, chị Lục Thị HA, bà Nguyễn Thị TH do anh Lục Văn T là đại diện có sơ đồ cụ thể như sau: Xuất phát từ điểm số 1 lần lượt qua các điểm số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,33,34 và từ điểm số 34 trở về điểm số 1 để thành hình đa giác khép kín (có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Trung T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L N;
- CCTHA dân sự huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Thạo**